

Bản án số: 142/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ
- Bà Nguyễn Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 216/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1981; trú tại: Ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983; thường trú: Ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: 2, đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Chị H và anh T tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2012, quyền số 01/2012 ngày 07/9/2012.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị H và anh T chung sống với nhau tại thành phố D, tỉnh Bình Dương đến khoảng giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân và chị H chuyển đi nơi khác sinh sống làm ăn còn anh T vẫn ở lại thành phố D, tỉnh Bình Dương. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên ăn nhậu, chị H đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị H hiện đang làm thuê, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng; anh T hiện đang làm cơ khí, thu nhập như thế nào chị H không biết. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Phước H1, sinh ngày 06/11/2007; Nguyễn Phước T1, sinh ngày 02/5/2009 và Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 17/6/2013. Khi mới sống ly thân thì cháu H1 và cháu T1 sống chung với anh T tại thành phố D, tỉnh Bình Dương, còn cháu N sống với chị H nhưng đến tháng 5/2024 thì cháu H1 và cháu T1 cùng chuyển về sinh sống với chị H cho đến nay. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu T2 án giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh T được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T hiện đang trú tại phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh T3 được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, chị H có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H và anh T3 theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh T3 tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2012, quyển số 01/2012 ngày 07/9/2012, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T3 là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng chị H xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện chị H và anh T3 đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2023.

Quá trình tố tụng anh T3 được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh T3 đã trầm trọng, hai bên không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T3.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Phước H1, sinh ngày 06/11/2007; Nguyễn Phước T1, sinh ngày 02/5/2009 và Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 17/6/2013. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con và không yêu cầu anh T3 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét, việc chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Cháu H1, cháu T1 và cháu N đều có nguyện vọng được ở với mẹ và hiện tại 03 cháu đang ở cùng mẹ. Để ổn định cuộc sống cũng như việc học tập của các cháu, Hội đồng xét xử tiếp tục giao 03 cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh T3 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T (theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/9/2012).

- Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Phước H1, sinh ngày 06/11/2007; Nguyễn Phước T1, sinh ngày 02/5/2009 và Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 17/6/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị H và anh T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0003126 ngày 27/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh T4